

Số: 848/BC-UBND

TP. Hưng Yên, ngày 13 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/Tu ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXI về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023.

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách năm 2023: 902,344 tỷ đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 183,315 tỷ đồng, bao gồm:
 - + Nguồn giao đầu năm: 129,5 tỷ đồng;
 - + Nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: 48,115 tỷ đồng;
 - + Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung Trong năm: 5,7 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách tập trung: 23,324 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 648,827 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 308,827 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 340,0 tỷ đồng).

- Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022: 44,078 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển đổi (dôi dư): 2,8 tỷ đồng.

2. Về tình hình giao và điều chỉnh kế hoạch:

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư dự án theo đúng thời hạn quy định. Trong năm UBND thành phố đã ban hành các quyết định: Số 3113/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023; số 3271/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về việc bổ sung nguồn vốn các công trình từ nguồn tăng thu.

II. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023.

Qua 11 tháng nhìn chung tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của thành phố còn thấp, tổng giải ngân các nguồn vốn được 364,974 tỷ đồng đạt 40,45% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm đạt 732,379 tỷ đồng, đạt 81,16% kế hoạch vốn. Cụ thể tình hình thực hiện và giải ngân các nguồn vốn năm 2023 như sau:

1. Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp: Kế hoạch vốn giao 183,315 tỷ đồng, (trong đó: Nguồn giao đầu năm 129,5 tỷ đồng; nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: 48,115 tỷ đồng; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2023: 5,7 tỷ đồng). Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 118,243 tỷ đồng đạt 64,50% kế hoạch vốn (trong đó: Nguồn giao đầu năm: Giải ngân đạt 70,212 tỷ đồng đạt 54,22% kế hoạch; nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: Giải ngân đạt 47,729 tỷ đồng đạt 99,20% kế hoạch; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2023: Giải ngân là: 0,302 tỷ đồng đạt 5,3% kế hoạch vốn). Dự kiến giải ngân cả năm 175,23 tỷ đồng, đạt 95,59% kế hoạch vốn.

2. Từ nguồn vốn ngân sách tập trung: Kế hoạch giao 23,324 tỷ đồng. Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 9,862 tỷ đồng đạt 42,28% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 23,324 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch giao là 648,827 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 308,827 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 340,0 tỷ đồng),

Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 227,644 tỷ đồng đạt 35,09% kế hoạch vốn kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 487,045 tỷ đồng, đạt 75,07% kế hoạch vốn. Trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: Giải ngân là 135,863 tỷ đồng, đạt 43,99% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 301,327 tỷ đồng, đạt 97,57% kế hoạch vốn.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: Giải ngân là 91,778 tỷ đồng đạt 26,99% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 185,718 tỷ đồng, đạt 54,62% kế hoạch vốn.

4. Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022: 44,078 tỷ đồng. Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 9,225 tỷ đồng, đạt 20,93% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 44,078 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

5. Từ nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển đổi (dôi dư): Dự kiến thực hiện cả năm 2,7 tỷ đồng, đạt 96,43% kế hoạch vốn.

(Phụ lục số 01; 02; 03 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Kết quả thực hiện:

Thành ủy, HĐND, UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị của thành phố, các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư khắc phục khó khăn thực hiện nghiêm túc kế hoạch đầu tư công năm 2023 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, thành phố. Đã chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình để sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

+ Tiếp tục thực hiện Quyết định số 481-QĐ/TU ngày 31/3/2022 của Thành ủy Hưng Yên về thành lập Ban chỉ đạo các dự án trọng điểm thành phố Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 và Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 31/3/2022 của Thành ủy Hưng Yên về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác GPMB triển khai các công trình, dự án trên địa bàn thành phố. Các dự án trọng điểm của thành phố được đưa vào đầu tư xây dựng góp phần chỉnh trang đô thị, xây dựng thành phố Hưng Yên sớm trở thành đô thị loại II. Công tác GPMB được đẩy nhanh đáp ứng tiến độ thi công các dự án.

+ UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 về việc thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công thành phố Hưng Yên năm 2023, tổ công tác do đồng chí Phó chủ tịch Thường trực UBND thành phố làm tổ trưởng, thành viên các tổ công tác là đại diện lãnh đạo các phòng, ban đơn vị và chủ tịch UBND các phường, xã. Hàng tháng Tổ công tác đã tổ chức các cuộc họp để kiểm điểm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; tại các cuộc họp tổ công tác yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và khó khăn vướng mắc của từng dự án do đơn vị quản lý, các dự án khó khăn vướng mắc ở đâu, liên quan đến đơn vị nào thì đơn vị đó trực tiếp báo cáo tại cuộc họp để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn. Thành phố đã ban hành nhiều văn bản để đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

+ Thực hiện việc ủy quyền cho thành phố quyết định giá đất cụ thể. UBND



thành phố đã ban hành Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Hưng Yên do Đ/c Chủ tịch UBND thành phố làm chủ tịch Hội đồng, định kỳ hàng tuần họp hội đồng để xác định giá đất đền bù và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất từ đó đã đẩy nhanh được công tác giải phóng mặt bằng các dự án.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được phân bổ đúng mục tiêu và đảm bảo quy định của Luật Đầu tư công; Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh; HĐND thành phố về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

- Nguồn vốn đầu tư công của thành phố được bố trí tập trung, ưu tiên bố trí vốn đầu tư các dự án đã hoàn thành, dự án chuyển tiếp cần bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm, hạn chế các dự án khởi công mới. Tập trung đầu tư hoàn thành, sớm đưa các công trình vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

- Một số dự án quan trọng được đẩy nhanh tiến độ thực hiện góp phần vào việc cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, thể thao của thành phố như: Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường; Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phương – Phương Chiêu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc); Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Điều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên); Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên; Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá; Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa; Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)...

- Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thành phố triển khai thực hiện 164 dự án; Hoàn thành thảm bê tông nhựa được 50.645m²; lát vỉa hè 26.137 m²; Xây dựng hệ thống cống thoát nước 10.021m; đường điện chiếu sáng, trung và hạ thế 11.690m; Xây dựng và cải tạo 30 phòng học...

2. Tồn tại, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân:

2.1. Tồn tại, khó khăn vướng mắc.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 không đạt kế hoạch đề ra dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công.

- Một số dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn dẫn đến phải giảm nguồn kế hoạch giao.

- Tiến độ thi công một số dự án còn chậm chưa đảm bảo tiến độ thực hiện của dự án.

- Công tác GPMB các dự án đã được quan tâm tập trung thực hiện tuy nhiên vẫn còn một số dự án còn vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

2.2. Nguyên nhân.

- Những tháng đầu năm trở về trước thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuộc UBND tỉnh do đó ảnh hưởng không ít đến thời gian, tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở các khu dân cư mới, bên cạnh đó thị trường bất động sản vẫn trầm lắng tác động vào tâm lý chung của xã hội và lượng người tham gia đấu giá đất ít, giá trúng đấu giá không cao ảnh hưởng đến nguồn thu đấu giá QSDĐ.

- Giá vật tư xây dựng vẫn ở mức cao (như các mặt hàng sắt thép, xăng dầu, cát, cấp phối đá dăm, ...) và nguồn cung cấp còn hạn chế (đặc biệt cát đen) đã ảnh hưởng lớn tới tiến độ thi công và giải ngân vốn;

- Do nguồn gốc đất phức tạp, cơ chế bồi thường hỗ trợ tài sản gặp khó khăn, một số hộ dân chưa đồng ý nhận tiền nên công tác giải phóng mặt bằng chậm, không bàn giao mặt bằng để triển khai thi công ảnh hưởng đến tiến độ thi công một số dự án.

- Các dự án mới tổng mức đầu tư lớn trình tự thủ tục đầu tư qua nhiều bước, mất nhiều thời gian. Các dự án đều là thiết kế 02 bước, các dự án đều có khối lượng công tác đền bù giải phóng mặt bằng lớn.

- Năm 2023 thành phố được tỉnh giao kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất tăng cao (năm 2022 giao 220 tỷ đồng; năm 2023 giao 480 tỷ đồng). Dự kiến đến hết năm thu được 264,464 tỷ đồng đạt 55,1% kế hoạch giao vì vậy, khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công.

3. Một số giải pháp tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023:

- Tiếp tục chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2023 của Chính phủ; Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 15/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ; các văn bản của UBND tỉnh và của UBND thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ quá trình thực hiện đầu tư các dự án mới, khởi công các dự án ngay sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án và công tác nghiệm thu quyết toán không để dồn vào cuối năm không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với các dự án đã có khối lượng thi công, yêu cầu chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị làm thủ tục nghiệm thu khối lượng và giải ngân vốn được giao.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện các dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đến



khâu thực hiện dự án; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, chủ tịch UBND thành phố về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Tiếp tục tập trung công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án còn vướng mắc, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ dân hiến đất và bàn giao mặt bằng cho dự án để triển khai thi công dự án theo kế hoạch.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công năm 2024:

Nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2024 thành phố Hưng Yên dự kiến là: 692,980 tỷ đồng, bao gồm:

- Ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án: 134,468 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách tập trung: 38,512 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 520,0 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 345,0 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 175,0 tỷ đồng).

II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:

1. Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025.

3. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho từng dự án trước ngày 31/12/2023.

4. Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 365/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023;

- Bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo quy định về thời gian bố trí vốn;
- Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn;
- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án theo thứ tự ưu tiên nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và tương ứng với cơ cấu từng nguồn vốn của dự án, đồng thời không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

III. Dự kiến phương án phân bổ vốn:

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án là: 134,468 tỷ đồng, trong đó: 34,468 tỷ đồng cho 07 dự án chuyển tiếp; 100,0 tỷ đồng cho 03 dự án mới.

2. Nguồn vốn ngân sách tập trung là: 38,512 tỷ đồng, phân bổ như sau:

Phân bổ 36,310 tỷ đồng cho 06 dự án chuyển tiếp và 2,202 tỷ đồng hỗ trợ 01 dự án hoàn thành cho UBND các phường, xã.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 520,0 tỷ đồng, cụ thể:

3.1. Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 345,0 tỷ đồng.

3.1.1. Phân bổ 250,566 tỷ đồng cho các dự án sử dụng nguồn ngân sách thành phố, cụ thể:

+ Cho 23 dự án chuyển tiếp số vốn là: 92,766 tỷ đồng;

+ Cho 08 dự án mới số vốn là: 49,5 tỷ đồng;

+ Cấp vốn ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Hưng Yên để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách số vốn là: 5,0 tỷ đồng;

+ Bổ sung vốn cho quỹ hỗ trợ nông dân thành phố số vốn là: 0,3 tỷ đồng.

+ Kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất do UBND thành phố làm chủ đầu tư số vốn là: 78,0 tỷ đồng (trong đó phân bổ chi tiết cho các dự án là 68,0 tỷ đồng; số vốn còn lại 10,0 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết, dự kiến phân bổ cho các dự án theo tiến độ thực hiện thực tế của từng dự án);

+ Cho các dự án được phê duyệt quyết toán trong năm số vốn là: 25,0 tỷ đồng;

3.1.2. Đối ứng 36,5 tỷ đồng cho 05 dự án sử dụng ngân sách tỉnh hỗ trợ;

3.1.3. Hỗ trợ UBND các phường, xã số vốn là: 57,934 tỷ đồng (Trong đó: Cho 01 dự án hoàn thành số vốn là: 1,5 tỷ đồng; cho 24 dự án chuyển tiếp số vốn là: 50,434 tỷ đồng; cho 04 dự án mới số vốn là: 6,0 tỷ đồng).

3.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 175,0 tỷ đồng.
(Chi tiết dự kiến danh mục và mức phân bổ tại các phụ lục số 04; 05; 06 kèm theo)

IV. Nguồn vốn xã hội hóa (nguồn dân tiền công đức): 16,61 tỷ đồng.
Cụ thể: 15,0 tỷ đồng cho dự án Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến; 1,61 tỷ đồng cho dự án Số hóa di sản văn hóa thành phố Hưng Yên.

(Chi tiết tại phụ lục số 07 kèm theo)

Năm 2024 là năm tiếp theo triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế giai đoạn tới, trong điều kiện nguồn thu ngân sách của thành phố còn nhiều khó khăn, nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển còn hạn hẹp, trong khi nhu cầu vốn đầu tư công là rất lớn, đòi hỏi các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư) và UBND phường, xã cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tiết kiệm, tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán vốn, sớm đưa các công trình, dự án vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và kế hoạch đầu tư công năm 2024. Ủy ban nhân dân thành phố trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các đ/c đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Chi cục Thuế khu vực TP Hưng Yên-Kim Động;
- Lưu VT, CVNC. *✍*



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Doãn Quốc Hoàn

PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán										Kế hoạch năm 2023				Ước khối lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023					Tiến độ thực hiện																	
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đối dư)	Bổ sung từ nguồn tăng thu; kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đối dư)																					
			Tổng số	NSTP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó																															
							Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh		Giao kế hoạch đầu năm											Điều chỉnh																				
TỔNG CỘNG																						1.538.195.683.536	1.254.639.578.683	683.494.738.167	15.732.709.356	10.949.709.356	4.783.000.000	622.977.897.060	762.839.062.416	-139.861.165.356	2.800.000.000	41.984.131.751	978.036.379.393	514.354.889.615	551.727.042.578	525.612.738.167	15.732.709.356	465.195.897.060	41.984.131.751	2.700.000.000	
A	Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư	1.153.028.387.136	1.113.006.713.183	223.848.662.373	14.732.709.356	9.949.709.356	4.783.000.000	177.631.821.266	210.736.000.000	-33.104.178.734	0	31.484.131.751	412.785.268.899	275.285.268.899	137.500.000.000	220.348.662.373	14.732.709.356	174.131.821.266	31.484.131.751	0																					
A.1	Ban QLĐA đầu tư xây dựng thành phố	1.022.747.444.136	982.725.770.183	185.939.964.081	14.732.709.356	9.949.709.356	4.783.000.000	150.223.122.974	181.789.967.308	-31.566.844.334	0	20.984.131.751	332.345.053.147	209.645.053.147	122.700.000.000	182.439.964.081	14.732.709.356	146.733.122.974	20.984.131.751	0																					
1	Dự án hoàn thành	274.033.415.036	239.011.741.083	15.135.200.174	0	0	0	5.596.155.666	6.663.000.000	-1.066.844.334	0	9.539.044.508	100.929.773.896	100.929.773.896	0	15.135.200.174	0	5.596.155.666	9.539.044.508	0																					
Lĩnh vực giao thông																																									
1	Cải tạo, nâng cấp đường cảnh nhà máy mới xây và đường khu dân cư phường An Tảo (Hạng mục: Nâng mặt đường + di chuyển điện + chi phí bãi đường)	Số 1074 QĐ-UBND ngày 08/5/2012	17.554.310.044	17.554.310.044	1.612.936.538	0		1.500.000.000	1.500.000.000			112.936.538	16.227.729.731	16.227.729.731		1.612.936.538		1.500.000.000	112.936.538		Đã quyết toán																				
2	Đường Chùa Diệu giai đoạn II (đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên)	Số 2652 QĐ-UBND ngày 29/10/2018	12.906.377.000	12.906.377.000	733.155.666			733.155.666	800.000.000	-66.844.334			11.962.082.866	11.962.082.866		733.155.666		733.155.666			Đã quyết toán hạng mục nền mặt đường, thoát nước. HM GPMB chưa quyết toán																				
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	Số 2397 QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.895.342.000	5.895.342.000	0			0	1.000.000.000	-1.000.000.000			4.904.093.023	4.904.093.023							Đã thi công xong; đang tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng																				
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB khu Hưng Hà thuộc các xã Hưng Nam, Tân Hưng, Phương Châu	Số 3538 QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9.354.136.000	9.354.136.000	1.394.770.680			1.000.000.000	1.000.000.000			394.770.680	8.901.123.000	8.901.123.000		1.394.770.680		1.000.000.000	394.770.680		Đang trình quyết toán																				
5	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	Số 3541 QĐ-UBND ngày 03/12/2020	6.465.474.000	6.465.474.000	470.008.000			400.000.000	400.000.000			70.008.000	5.448.622.000	5.448.622.000		470.008.000		400.000.000	70.008.000		Đã quyết toán																				
Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật																																									
6	Xây dựng HTKT khu dân cư mới phường Hiến Nam để đầu tư giải quyết an ninh trật tự (Vị trí số 1 và số 2)	Số 1429 QĐ-UBND ngày 27/6/2019	9.565.923.000	9.565.923.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000				7.734.705.725	7.734.705.725		200.000.000		200.000.000			Hạng mục xây lắp đã quyết toán, Hạng mục GPMB đang trình quyết toán																				
7	Cải tạo vỉa hè QL38 đoạn từ cầu Chơ Đâu đến hết địa phận thành phố	Số 3659 QĐ-UBND ngày 10/12/2020	29.815.012.000	29.815.012.000	1.063.778.000			100.000.000	100.000.000			963.778.000	9.063.778.000	9.063.778.000		1.063.778.000		100.000.000	963.778.000		Đang trình quyết toán																				
8	Cải tạo vỉa hè xung quanh trụ sở tỉnh ủy và UBND tỉnh Hưng Yên	Số 2398 QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.694.490.000	14.694.490.000	900.000.000			900.000.000	900.000.000				11.106.346.000	11.106.346.000		900.000.000		900.000.000			Đã thi công xong; đang hoàn thiện hồ sơ để đưa vào sử dụng																				
9	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	Số 3549 QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.859.671.000	6.859.671.000	781.293.551			123.000.000	123.000.000			658.293.551	6.581.293.551	6.581.293.551		781.293.551		123.000.000	658.293.551		Đang trình quyết toán																				
10	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL-38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Số 2876 QĐ-UBND ngày 07/10/2021	5.870.040.000	5.870.040.000	668.762.000			340.000.000	340.000.000			328.762.000	5.500.000.000	5.500.000.000		668.762.000		340.000.000	328.762.000		Đã quyết toán																				
11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Số 833 QĐ-UBND ngày 18/6/2021	16.138.758.000	16.138.758.000	300.000.000			300.000.000	300.000.000				13.500.000.000	13.500.000.000		300.000.000		300.000.000			Đã thi công xong; đang hoàn thiện hồ sơ để đưa vào sử dụng																				
Dự án bổ sung nguồn vốn																																									
Công trình đã phê duyệt quyết toán																																									
12	Nội dung nhà tập học 2 tầng 10 phòng học, nhà bếp, sân chơi và các công trình phụ trợ trường THCS Hoàng Hành, thành phố Hưng Yên	1772 QĐ-UBND ngày 25/7/2023	13.035.489.000	13.035.489.000	2.035.489.000							2.035.489.000				2.035.489.000			2.035.489.000																						
13	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Tiến Tê - Hưng Mỹ: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	3010 QĐ-UBND ngày 14/12/2022	5.516.611.946	5.516.611.946	617.651.946							617.651.946				617.651.946			617.651.946																						
14	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trưng Trắc, Trưng Nhị, Nguyễn Thiệu, thành phố Hưng Yên	1574 QĐ-UBND ngày 06/7/2023	7.577.992.493	7.577.992.493	677.992.493							677.992.493				677.992.493			677.992.493																						
15	Nội dung trường THCS Nguyễn Tất Thành Hưng Mỹ: Nhà tập học	1730 QĐ-UBND ngày 08/9/2022	14.855.362.000	14.855.362.000	55.362.000							55.362.000				55.362.000			55.362.000																						
Công trình đang quyết toán																																									
16	Cải tạo, nâng cấp đường ĐHT7, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình lễ Sứ ở đầu ngõ về Cầu Đồi)	2227 QĐ-UBND ngày 04/10/2019	28.486.434.000	9.405.425.600	1.000.000.000							1.000.000.000				1.000.000.000			1.000.000.000																						

HÀNH DẶN

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023								Ước khối lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023					Tiến độ thực hiện								
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung			Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (dối dư)	Bổ sung từ nguồn tăng thu; kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (dối dư)						
			Tổng số	NSTP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó																		
							Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh		Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh																	
17	Cải tạo, sửa chữa công viên hồ Tân Nguyệt	#11/QĐ-UBND ngày 01/4/20219	7.106.627.000	7.106.627.000	303.276.000							303.276.000				303.276.000			303.276.000									
18	Cải tạo, nâng cấp đường phố Tây sông Đáy (đoạn từ cầu An Tảo đến đường Châu Đâu)	3540/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	7.025.631.000	7.025.631.000	78.069.000							78.069.000				78.069.000			78.069.000									
19	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường Châu Chương, Hải Sơn, thành phố Hưng Yên	2378/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	28.393.477.000	28.393.477.000	335.978.900							335.978.900				335.978.900			335.978.900									
20	Nâng cấp khu TEC phục vụ GPMB dự án đường nội bộ đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giã - Ninh Bình tại xã Phương Châu, thành phố Hưng Yên. Chủ phí GPMB	2447/QĐ-UBND ngày 26/5/2017	4.430.324.239	650.000.000	330.270.400							330.270.400				330.270.400			330.270.400									
21	Nâng cấp khu TEC phục vụ GPMB dự án xây dựng cầu Hưng Hà, xã Hoàng Hành, thành phố Hưng Yên. Chủ phí GPMB	2447/QĐ-UBND ngày 26/5/2017	1.898.295.000	300.000.000	182.281.500							182.281.500				182.281.500			182.281.500									
22	Nâng cấp khu tái định cư phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Phương Châu. Chủ phí GPMB	2548/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	11.382.046.314	820.000.000	646.249.500							646.249.500				646.249.500			646.249.500									
23	Cải tạo khuôn viên nhà lưu niệm Bác Hồ	3553/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	4.279.488.000	4.279.488.000	28.086.000							28.086.000				28.086.000			28.086.000									
24	KCH trường lớp học năm 2008 Trưng Nhị (phần 1 tầng 4 phòng năm học, nhà 2 tầng 10 phòng học)	3604/QĐ-UBND ngày 30/9/2008	4.926.104.000	4.926.104.000	719.789.000							719.789.000				719.789.000			719.789.000									
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023		90.190.241.000	85.190.241.000	15.345.396.000	2.000.000.000	2.000.000.000	0	12.657.000.000	12.657.000.000	0	0	688.396.000	67.082.303.440	62.482.303.440	4.600.000.000	11.845.396.000	2.000.000.000	9.157.000.000	688.396.000								
Lĩnh vực giao thông																												
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyễn Hân)	Số 3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000	14.994.000.000	4.000.000.000								4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000			4.000.000.000									Đã thi công được 80% khối lượng và đang đứng thi công do đang tổ chức GPMB chưa có mặt bằng sạch
2	Nâng cấp đường Trần Quang Khai (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	Số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000	7.781.997.000	2.500.000.000								2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000			2.500.000.000									Đang đứng thi công do vướng GPMB
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngõ Già Tự đến đường Triệu Quang Phục)	Số 2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000	12.155.567.000	2.500.000.000								2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	0	0	2.500.000.000									Đang đứng thi công do vướng GPMB
Lĩnh vực giáo dục																												
4	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành; hạng mục: Nhà học đa năng	Số 2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853.241.000	1.853.241.000	1.188.396.000								500.000.000	500.000.000		500.000.000			500.000.000									Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán
Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật																												
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ Vòng xoay Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật	Số 3661/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	18.230.000.000	18.230.000.000	1.580.000.000								1.580.000.000	1.580.000.000		1.580.000.000			1.580.000.000									Đã thi công cơ bản hoàn thành (còn phần tháo dỡ thu hồi hệ thống điện cũ)
6	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.980.078.000	6.980.078.000	1.177.000.000								1.177.000.000	1.177.000.000		1.177.000.000			1.177.000.000									Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán
7	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Châu Chương, thành phố Hưng Yên	Số 3936/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	5.812.243.000	5.812.243.000	400.000.000								400.000.000	400.000.000		400.000.000			400.000.000									Còn phần thi công chưa thi công
8	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa	Số 1728/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	17.383.115.000	17.383.115.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000						2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000									Đã thi công cơ bản hoàn thành
III	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023		256.977.237.000	256.977.237.000	67.759.367.907	12.732.709.356	7.949.709.356	4.783.000.000	50.969.967.308	69.469.967.308	-18.500.000.000	0	4.056.691.243	120.073.137.811	42.773.137.811	77.300.000.000	67.759.367.907	12.732.709.356	50.969.967.308	4.056.691.243								
Lĩnh vực giao thông																												
1	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	Số 2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	16.798.706.000	16.798.706.000	0								0	3.000.000.000	-3.000.000.000				3.000.000.000									Đang tổ chức GPMB, đang thi công
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quang Châu (đoạn từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hành)	Số 3664/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	24.566.000.000	24.566.000.000	3.006.000.000								3.006.000.000	4.506.000.000	-1.500.000.000				3.006.000.000									Đang hoàn thiện đưa công trình vào sử dụng và quyết toán dự án
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Nguyễn Thiện Thuật, Trưng Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên	Số 3771/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.274.839.000	11.274.839.000	2.000.000.000								2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000									Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định đầu tư trong đầu tư/ Quyết định		Kế hoạch năm 2023										Tổng cộng theo dự án				Tổng cộng				
		Số QĐ quyết định đầu tư	Tổng số	NSRF	Tổng số	Ngân sách tập trung		Ngân địa phương		Tổng số	Chiếm đầu tư tư nhân	Đầu tư xã hội	Tổng số	Chiếm đầu tư tư nhân	Đầu tư xã hội	Tổng số	Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội	Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội	Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội	Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội		
						Trong đó	Đầu tư xã hội	Trong đó	Đầu tư xã hội												Trong đó	Đầu tư xã hội
1	Liên hệ văn phòng																					
2	Nhà máy phát điện công suất 10 MW tại xã Hùng Tiến, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang	SĐ 29/20-QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000.000.000	35.000.000.000	9.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-500.000.000			1.000.000.000	14.300.000.000	300.000.000	14.000.000.000	9.000.000.000						
3	Trung tâm nuôi lợn nái và lợn thịt tại xã Hùng Tiến, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang	SĐ 29/23-QĐ-UBND ngày 09/12/2023	9.222.100.000	9.222.100.000	5.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-12.000.000.000			6.700.000.000	44.259.838.000	3.459.838.000	40.800.000.000	87.700.000.000						
4	Nhà máy phát điện công suất 10 MW tại xã Hùng Tiến, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang	SĐ 29/23-QĐ-UBND ngày 09/12/2023	9.310.112.100	9.310.112.100	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000				15.450.000.000	450.000.000	15.000.000.000	18.000.000.000							
5	Liên hệ văn phòng																					
6	Nhà máy phát điện công suất 10 MW tại xã Hùng Tiến, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang	SĐ 29/23-QĐ-UBND ngày 09/12/2023	36.965.537.000	36.965.537.000	8.500.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-4.500.000.000			2.000.000.000	15.450.000.000	300.000.000	15.000.000.000	8.500.000.000						
7	Liên hệ văn phòng																					
8	Liên hệ văn phòng																					

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023										Ước khối lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023					Tiến độ thực hiện
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung			Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đổi đư)	Bổ sung từ nguồn tăng thu: kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đổi đư)	
			Tổng số	NSTP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó												
							Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh		Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh											
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023		8.468.571.000	8.468.571.000	0	0	0	0	1.500.000.000	-1.500.000.000	0	0	8.000.000.000	8.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	Số 1854/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	8.468.571.000	8.468.571.000	0				0	1.500.000.000	-1.500.000.000			8.000.000.000	8.000.000.000			0		0		Đang thi công (đang vướng GPMB đường Triệu Quang Phục nên khối lượng thi công giảm)
A.7	Trường mầm non 19/5		8.668.562.000	8.668.562.000	5.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	5.000.000.000	0	3.000.000.000	2.000.000.000		
	Dự án mới		8.668.562.000	8.668.562.000	5.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	5.000.000.000	0	3.000.000.000	2.000.000.000		
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.668.562.000	8.668.562.000	5.000.000.000				3.000.000.000	3.000.000.000			2.000.000.000	500.000.000	500.000.000		5.000.000.000		3.000.000.000	2.000.000.000		Đang thi công
A.8	Cơ quan thành ủy Hưng Yên		20.297.678.000	20.297.678.000	13.500.000.000	0	0	0	9.000.000.000	9.000.000.000	0	0	4.500.000.000	1.300.000.000	800.000.000	500.000.000	13.500.000.000	0	9.000.000.000	4.500.000.000		
	Dự án mới		20.297.678.000	20.297.678.000	13.500.000.000	0	0	0	9.000.000.000	9.000.000.000	0	0	4.500.000.000	1.300.000.000	800.000.000	500.000.000	13.500.000.000	0	9.000.000.000	4.500.000.000		
1	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trú sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên	Số 1737/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	13.472.963.000	13.472.963.000	8.000.000.000				5.000.000.000	5.000.000.000			3.000.000.000	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	8.000.000.000		5.000.000.000	3.000.000.000		Đang thi công
2	Cải tạo, sửa chữa trú sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trú sở)	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000	6.824.715.000	5.500.000.000				4.000.000.000	4.000.000.000			1.500.000.000	300.000.000	300.000.000		5.500.000.000		4.000.000.000	1.500.000.000		Đang thi công
A.9	Văn phòng HĐND-UBND thành phố		4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	300.000.000	300.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	
	Dự án mới		4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	300.000.000	300.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	
1	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và công trình mái nhà 4 tầng trú sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Số 2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000	2.000.000.000				300.000.000	300.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000			Đang thi công
A.10	Ban chỉ huy Quân sự thành phố		2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	1.400.000.000	100.000.000	1.300.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	
	Dự án mới		2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	1.400.000.000	100.000.000	1.300.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	
1	Nhà đa năng Ban chỉ huy quân sự thành phố	Số 1369/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000	2.000.000.000				1.400.000.000	100.000.000	1.300.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000			Đang thi công
	Công trình bổ sung nguồn vốn																					
A.11	Trung tâm văn hóa và truyền thanh		14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000		
1	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Số 1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000								4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		0	4.000.000.000		Đang thi công
B	Kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới do UBND thành phố làm chủ đầu tư				73.622.075.794				73.622.075.794	165.379.062.416	-91.756.986.622			149.742.348.094	134.673.384.716	15.068.963.378	73.622.075.794	0	73.622.075.794			
B.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố																					
I	Dự án hoàn thành																					
1	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu - Hưng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	Số 3551/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	5.680.345.000	5.680.345.000	0									5.501.734.946	5.501.734.946							Đã quyết toán
II	Dự án chuyển tiếp		0	0	0																	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TDC phục vụ công tác GPMB QL 38B địa phận xã Trung Nghĩa	Số 2386/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	13.948.000.000	13.948.000.000										11.000.000.000	11.000.000.000							Đang vướng GPMB 02 h)
2	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hổ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.389.821.000	53.389.821.000										27.450.756.000	26.450.756.000	1.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000			Đang thi công đạt 75% khối lượng
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	2054/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	5.065.378.000	5.065.378.000										4.028.380.000	4.028.380.000							Đang vướng GPMB 02 h, Khối lượng thi công đạt 80%

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán Số QĐ ngày, tháng, năm	Kế hoạch năm 2023										Ước khối lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023					Tiến độ thực hiện				
			TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất				Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (dối dư)	Bổ sung từ nguồn tăng thu; kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khối công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022		Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (dối dư)			
			Tổng số	NSTP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó															
							Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh		Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh														
4	Nâng cấp HTKT phần còn lại KDC phía nam đường Đinh Điền để phục vụ đầu tư QSDĐ	Số 796/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	10.879.841.700	10.879.841.700																				Thi công đạt 90% hiện nay còn vướng mắc khu vực vườn và chưa GPMB xong do Tram thủ y thành phố đang quản lý	
5	Nâng cấp KDC mới Tỉnh Linh xã Trung Nghĩa	Số 644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	41.935.883.000	41.935.883.000																				Đã thi công cơ bản hoàn thành	
6	Nâng cấp KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 01)	Số 3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.980.733.000	14.980.733.000												5.000.000.000		5.000.000.000						Đang thi công đạt 60% khối lượng.	
III Dự án mới				0																					
1	Nâng cấp KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02)	Số 610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.263.967.000	56.263.967.000													14.820.720.378	751.757.000	14.068.963.378	16.013.013.378		16.013.013.378			Đang lựa chọn nhà thầu
2	Nâng cấp KDC mới xã Phương Châu	Số 497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.805.550.000	22.805.550.000													2.609.166.235	2.609.166.235						Đang GPMB	
3	Nâng cấp khu dân cư mới xã Phú Cường	Số 342/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	23.410.656.000	23.410.656.000													300.000.000	300.000.000						Đang GPMB	
4	Nâng cấp KDC mới phường Minh Khai (Khu đất hạt 2 quốc lộ 38 (bên phía Yên Lành cũ))	Số 274/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	1.238.322.000	621.997.000													50.000.000	50.000.000						Đang thi công	
5	Nâng cấp khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 01	Số 47/NQ-HDND ngày 21/4/2022	61.000.000.000	61.000.000.000																				Đang GPMB	
6	Nâng cấp khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 02	Số 48/NQ-HDND ngày 21/4/2022	84.000.000.000	84.000.000.000																				Đang GPMB	
7	Nâng cấp KDC mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	Số 46/NQ-HDND ngày 21/4/2022	104.290.840.000	104.290.840.000																				Đang GPMB	
8	Nâng cấp KDC mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)	Số 45/NQ-HDND ngày 21/4/2022	87.721.262.000	87.721.262.000																				Đang GPMB	
9	Nâng cấp khu dân cư mới Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)		62.400.000.000	62.400.000.000																	34.609.000.000		34.609.000.000		Đang lập TKBVTC
10	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (giai đoạn 3)		127.400.000.000	127.400.000.000																				Đã phê duyệt Chủ trương đầu tư, đang lập dự án	
11	Khu dân cư mới phường An Táo		116.997.000.000	116.997.000.000																				Đang lập quy hoạch chi tiết 1/500	
12	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	Số 49/NQ-HDND ngày 21/4/2022	82.179.000.000	85.948.000.000													293.097.000	293.097.000						Đang tổ chức lập hồ sơ TKBVTC và tổ chức GPMB	
B.2 Hạ tầng đô thị																									
I Dự án hoàn thành																									
1	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)	Số 838/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	5.888.493.535	5.888.493.535													5.888.493.535	5.888.493.535							Đã thi công xong
II Dự án chuyển tiếp																									
1	Hạ tầng kỹ thuật KDC sau trường THCS Nguyễn Tất Thành	Số 2029/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	3.785.309.000	3.785.309.000													3.500.000.000	3.500.000.000							Đã thi công xong
2	HTKT khu tái định cư giáp bãi tập lái xe	Số 2400/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	8.290.484.071	8.290.484.071													5.800.000.000	5.800.000.000							Đang thi công
3	Khu dân cư mới phố An Bình, phường An Táo		13.000.000.000	13.000.000.000																					Đang thi công
4	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)		10.000.000.000	10.000.000.000																					Đang GPMB
5	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khu đô thị Tân Phố Hiến)	1096/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND thành phố Hưng Yên	27.760.476.000	27.760.476.000																	5.000.000.000		5.000.000.000		
III Dự án mới				0																					
1	Khu dân cư mới xã Bảo Khê		10.000.000.000	10.000.000.000													5.000.000.000	5.000.000.000							Đang thi công

TT	Tên công trình	Số QĐ ngày, tháng, năm	Kế hoạch năm 2023										Ước khởi thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023					Tiến độ thực hiện							
			TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất				Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đổi dự)	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022		Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đổi dự)						
			Tổng số	NSTP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó																		
							Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh		Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh																	
5	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Nhà văn hóa và sân bóng mìn phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000	2.870.000.000	1.000.000.000					1.000.000.000	1.000.000.000				300.000.000	300.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000					Đang thi công		
6	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Thành - Phường Quang Trung	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000	2.100.000.000	1.000.000.000					1.000.000.000	1.000.000.000				300.000.000	300.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000					Đang thi công		
7	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hữu Mẫn đến đường Công Bình)	Số 1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND xã Quảng Châu	47.000.000.000	14.100.000.000	1.500.000.000					1.500.000.000	1.500.000.000				500.000.000	500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000					Đang thi công		
8	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ cầu Di đến nhà bà Thuận thôn Diện Hòa)	Số 211/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Hồng Nam	14.800.000.000	4.440.000.000	600.000.000					600.000.000	600.000.000				500.000.000	500.000.000		600.000.000			600.000.000					Đang thi công		
9	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Số 3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000	10.472.647.500	3.000.000.000					3.000.000.000	3.000.000.000				500.000.000	500.000.000		3.000.000.000			3.000.000.000					Đang thi công		
Cộng trình bổ sung nguồn vốn																												
10	Hỗ trợ UBND xã Bắc Khê để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Cường (đoạn từ nhà ông Văn đến ông Trọng)	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022	7.500.000.000	5.250.000.000	2.000.000.000										2.000.000.000	18.208.000.000		18.208.000.000			2.000.000.000		0	2.000.000.000			Đang thi công	
11	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Kè đá vỉa hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Đền ngoài xóm đến nhà ông Nùng	Số 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	22.294.701.000	6.000.000.000	3.500.000.000										3.500.000.000	17.932.500.000		17.932.500.000			3.500.000.000		0	3.500.000.000			Đang thi công	
12	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đào Đăng, xã Trung Nghĩa	Số 233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	39.850.000.000	11.000.000.000	3.000.000.000										3.000.000.000	16.500.000.000		16.500.000.000			3.000.000.000		0	3.000.000.000			Đang thi công	
III	Các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới		86.020.250.000	26.430.000.000	9.824.000.000	0	0	0	0	7.824.000.000	7.824.000.000	0	0	2.000.000.000	49.600.000.000	30.100.000.000	19.500.000.000	9.824.000.000	0	0	7.824.000.000	2.000.000.000	0	0	0	0	0	
1	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tĩnh Lĩnh)	4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000	4.080.000.000	1.224.000.000					1.224.000.000	1.224.000.000				4.500.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000	1.224.000.000			1.224.000.000					Đang thi công		
2	Hỗ trợ UBND xã Tân Hưng để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cà đến nhà bà Thuận thôn Tiên Phong)	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	9.800.000.000	2.940.000.000	2.900.000.000					900.000.000	900.000.000				2.000.000.000	5.500.000.000	4.500.000.000	1.000.000.000	2.900.000.000			900.000.000	2.000.000.000			Đang thi công		
3	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiên đến nhà ông Trán)	4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.216.000.000	1.800.000.000	500.000.000					500.000.000	500.000.000				3.500.000.000	2.500.000.000	1.000.000.000	500.000.000			500.000.000					Đang thi công		
4	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vệ độ 10 thôn Hì Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000	2.220.000.000	600.000.000					600.000.000	600.000.000				4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	600.000.000			600.000.000					Đang thi công		